

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-9-2022

V/v “Ly hôn giữa chị L và
anh L”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Quốc Mậu

Bà Trần Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương L, sinh năm 1994;

ĐKKHKT và cư trú tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn L, sinh năm 1993

ĐKKHKT tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú hiện nay : Thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị L, anh L vắng mặt có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 08-8-2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 06-02-2013. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ, chưa hiểu biết nhiều về cuộc sống nên khi về chung sống với nhau xảy ra nhiều chuyện dẫn đến vợ chồng không có

tiếng nói chung. Để cải thiện quan hệ vợ chồng và chăm lo cho kinh tế gia đình nên anh chị đã cùng nhau đi làm kinh tế ở xa nhưng cuối cùng dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Từ thời điểm sống ly thân hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 29-4-2012. Hiện nay cháu L đang được chị nuôi dưỡng. Vì lý do thời gian tới chị đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nên chị đồng ý để anh Trịnh Văn L nuôi con. Nếu anh L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị sẽ thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với anh L.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị và anh L không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trịnh Văn L trong bản tự khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh L về điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống, thời gian vợ chồng sống hòa thuận và sống ly thân giống như lời khai của chị L. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Chị L xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị L và nhất trí Toà án huyện V giải quyết việc ly hôn của anh và chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 29-4-2012. Hiện nay cháu L đang được chị L nuôi dưỡng, Ly hôn anh đồng ý nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay anh đang làm nghề kinh doanh, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh và chị L không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại Toà án anh L có Đơn đề nghị không hoà giải và xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 06-9-2022, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Anh Trịnh Văn L đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Hiện nay anh L và chị L đã sống ly thân; con chung của anh L và chị L là cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 29-4-2012 hiện nay đang sinh sống và học tập tại xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Phương L và anh Trịnh Văn L

+ Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 29-4-2012 cho anh Trịnh Văn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh L.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm N, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt;. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương L và anh Trịnh Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 06-02-2013, như vậy hôn nhân của chị L và anh L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh chị kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ, chưa có kinh nghiệm trong cuộc sống vì vậy sau khi kết hôn vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì không thể hòa giải được dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Như vậy, giữa chị L và anh L không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn

nhân gia đình giữa chị L và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Phương L và anh Trịnh Văn L có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 29-4-2012. Hội đồng xét xử xét thấy anh L có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con; mặt khác, chị L cũng nhất trí để anh L nuôi dưỡng cháu Trịnh Bảo L. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị L và anh L, giao cháu Trịnh Bảo L cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Văn L không yêu cầu chị Trần Thị Phương L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị Trần Thị Phương L và anh Trịnh Văn L xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Phương L và anh Trịnh Văn L.
2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Bảo L, sinh ngày 29-4-2012 cho anh Trịnh Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng chị L, chị L có trách nhiệm giao cháu L cho anh L nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Phương L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Trịnh Văn L.

Chị Trần Thị Phương L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Trịnh Văn L.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Phương L phải nộp 300.000. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án

số 0001492 ngày 12-8-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị L đã nộp xong).

Chị Trần Thị Phương L và anh Trịnh Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Y;
- L HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm